# BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030

## HUYỆN TRÀ CÚ - TỈNH TRÀ VINH

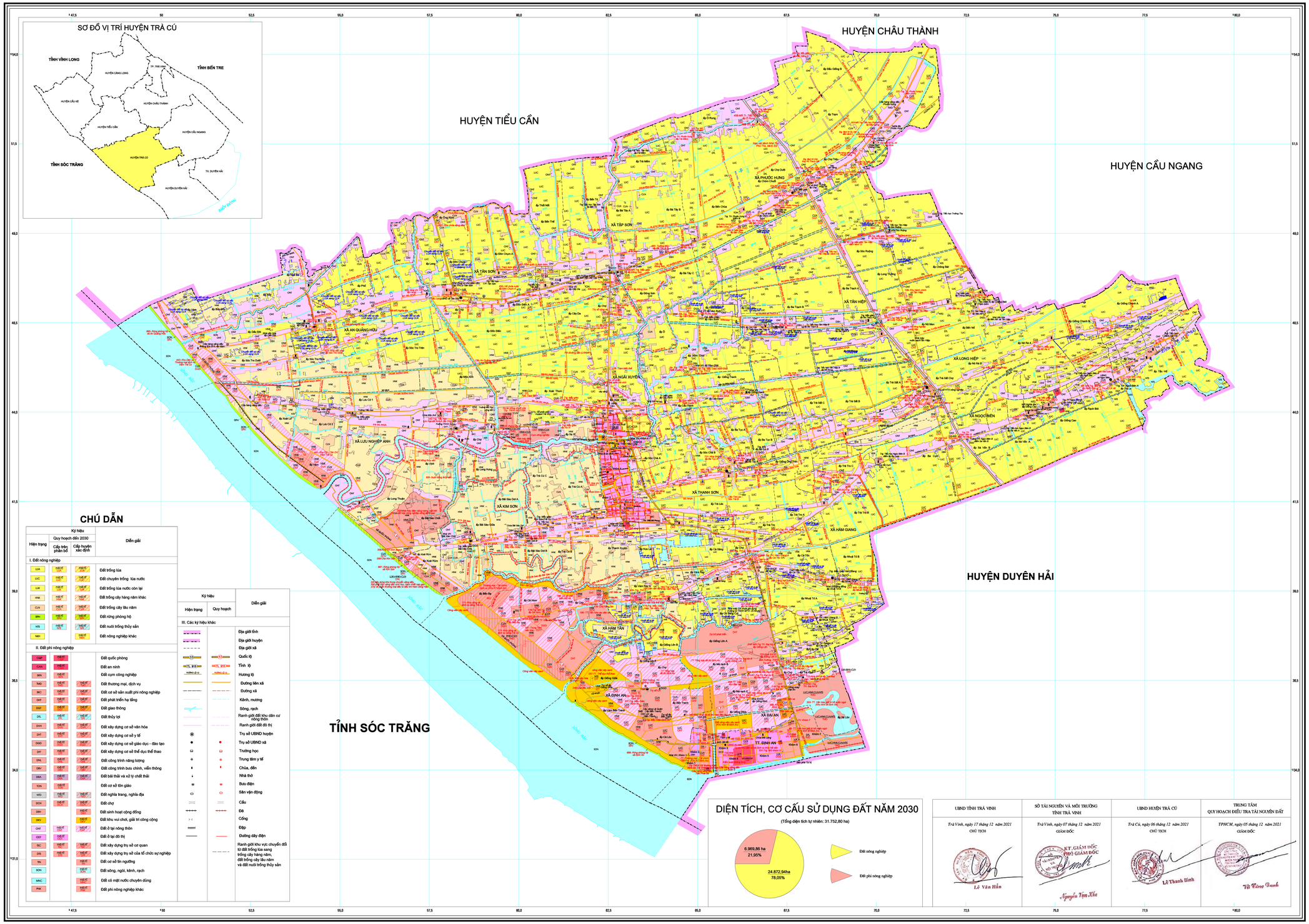


## CHÚ DẪN

| Ký hiệu: Hiện trạng | Ký hiệu: Quy hoạch đến 2030: Cấp trên phân bổ | Ký hiệu: Quy hoạch đến 2030: Cấp huyện xác định | Diễn giải |
|---|---|---|---|
| **I. Đất nông nghiệp** | | | |
| LUA | NHÓM ĐẤT LUA | NHÓM ĐẤT LUA | Đất trồng lúa |
| LUC | NHÓM ĐẤT LUA | NHÓM ĐẤT LUA | Đất chuyên trồng lúa nước |
| LUK | NHÓM ĐẤT LUA | NHÓM ĐẤT LUA | Đất trồng lúa nước còn lại |
| HNK | NHÓM ĐẤT RỪNG | NHÓM ĐẤT RỪNG | Đất trồng cây hàng năm khác |
| CLN | NHÓM ĐẤT RỪNG | NHÓM ĐẤT RỪNG | Đất trồng cây lâu năm |
| RPH | NHÓM ĐẤT RỪNG | NHÓM ĐẤT RỪNG | Đất rừng phòng hộ |
| NTS | NHÓM ĐẤT NÔNG NGHIỆP | NHÓM ĐẤT NÔNG NGHIỆP | Đất nuôi trồng thủy sản |
| NKH | | NHÓM ĐẤT NÔNG NGHIỆP | Đất nông nghiệp khác |
| **II. Đất phi nông nghiệp** | | | |
| CQP | NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP | | Đất quốc phòng |
| CAN | NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP | | Đất an ninh |
| SKN | NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP | | Đất cụm công nghiệp |
| TMD | NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP | NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP | Đất thương mại, dịch vụ |
| SKC | NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP | NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp |
| DHT | NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP | NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP | Đất phát triển hạ tầng |
| DGT | NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP | NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP | Đất giao thông |
| DTL | NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP | NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP | Đất thủy lợi |
| DVH | NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP | NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP | Đất xây dựng cơ sở văn hóa |
| DYT | NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP | NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP | Đất xây dựng cơ sở y tế |
| DGD | NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP | NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP | Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo |
| DTT | NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP | NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP | Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao |
| DNL | NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP | NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP | Đất công trình năng lượng |
| DBV | NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP | NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP | Đất công trình bưu chính, viễn thông |
| DRA | NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP | NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP | Đất bãi thải và xử lý chất thải |
| TON | NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP | | Đất cơ sở tôn giáo |
| NTD | NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP | NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP | Đất nghĩa trang, nghĩa địa |
| DCH | NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP | NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP | Đất chợ |
| DSH | | NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP | Đất sinh hoạt cộng đồng |
| DKV | | NHÓM ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG | Đất khu vui chơi, giải trí công cộng |
| ONT | NHÓM ĐẤT Ở | NHÓM ĐẤT Ở | Đất ở tại nông thôn |
| ODT | NHÓM ĐẤT Ở | NHÓM ĐẤT Ở | Đất ở tại đô thị |
| TSC | NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP | NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP | Đất xây dựng trụ sở cơ quan |
| DTS | NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP | NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP | Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp |
| TIN | | NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP | Đất cơ sở tín ngưỡng |
| SON | | NHÓM ĐẤT SÔNG SUỐI | Đất sông, ngòi, kênh, rạch |
| MNC | | NHÓM ĐẤT MẶT NƯỚC CHUYÊN DÙNG | Đất có mặt nước chuyên dùng |
| PNK | | NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP | Đất phi nông nghiệp khác |

| Ký hiệu: Hiện trạng | Ký hiệu: Quy hoạch | Diễn giải |
|---|---|---|
| **III. Các ký hiệu khác** | | |
| | | Địa giới tỉnh |
| | | Địa giới huyện |
| | | Địa giới xã |
| QL1 | QL1 | Quốc lộ |
| TỈNH LỘ 915 | TỈNH LỘ 915 | Tỉnh lộ |
| HƯƠNG LỘ 10 | HƯƠNG LỘ 10 | Hương lộ |
| | | Đường liên xã |
| | | Đường xã |
| | | Kênh, mương |
| | | Sông, rạch |
| | | Ranh giới đất khu dân cư nông thôn |
| | | Ranh giới đất đô thị |
| | | Trụ sở UBND huyện |
| | | Trụ sở UBND xã |
| | | Trường học |
| | | Trung tâm y tế |
| | | Chùa, đền |
| | | Nhà thờ |
| | | Bưu điện |
| | | Sân vận động |
| | | Cầu |
| | | Đê |
| | | Cống |
| | | Đập |
| | | Đường dây điện |
| | | Ranh giới khu vực chuyển đổi từ đất trồng lúa sang trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm và đất nuôi trồng thủy sản |

## DIỆN TÍCH, CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2030

(Tổng diện tích tự nhiên: 31.752,80 ha)




| UBND TỈNH TRÀ VINH | SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH TRÀ VINH | UBND HUYỆN TRÀ CÚ | TRUNG TÂM QUY HOẠCH ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN ĐẤT |
|---|---|---|---|
| *Trà Vinh, ngày 17 tháng 12 năm 2021* | *Trà Vinh, ngày 07 tháng 12 năm 2021* | *Trà Cú, ngày 06 tháng 12 năm 2021* | *TPHCM, ngày 05 tháng 12 năm 2021* |
| CHỦ TỊCH | GIÁM ĐỐC | CHỦ TỊCH | GIÁM ĐỐC |
| Lê Văn Hẳn | KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC<br>Nguyễn Văn Nhã | Lê Thanh Bình | Võ Đăng Thanh |

NGUỒN TÀI LIỆU
- Bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Trà Cú
- Bản đồ hiện trạng năm 2020 huyện Trà Cú

# TỶ LỆ 1: 25 000

ĐƠN VỊ XÂY DỰNG
**Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường miền Nam - Trung tâm Quy hoạch - Điều tra tài nguyên đất**